

Bản án số: **305/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 30/10/2024

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30/10/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh S, sinh ngày 16/10/1980

HKTT: Số nhà G đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: 119 L- S- Nsw 2166- Australia. (xin vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền giải quyết vấn đề con chung và giao nhận văn bản tố tụng của anh Nguyễn Thanh S: Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà A, ngõ A đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Chị Lê Thị H, sinh ngày 20/12/1983

HKTT: Số nhà G đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: 17 P- C- Nsw 2166- Australia. (xin vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền giải quyết vấn đề con chung và giao nhận văn bản tố tụng của chị Lê Thị H: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2000; địa chỉ: Số I đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (xin vắng mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ A đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Nguyễn Thanh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31/3/2006 tại UBND phường T, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Do điều kiện làm ăn kinh tế nên gia đình anh sang Australia làm ăn và sinh sống đến nay. Quá trình chung sống tại Australia, giữa anh và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp. Đến nay giữa anh và chị H đã không còn quan tâm gì đến nhau và sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 10/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 01/12/2012. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Thanh H1 và cháu Nguyễn Thanh K cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị Lê Thị H có văn bản trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S kết hôn với nhau ngày 31/3/2006 và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B. Hiện nay anh chị đang sinh sống và làm việc tại Australia. Tuy nhiên, trong cuộc sống giữa chị và anh S đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 10/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 01/12/2012. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh S nuôi dưỡng, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:* Vợ chồng anh S và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 10/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 01/12/2012. Hiện nay cháu H1 đang sinh sống cùng anh S tại Australia, còn cháu K hiện đang sinh sống cùng chị tại số nhà A, ngõ A đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn anh S có đề nghị Tòa án giao cháu H1 và cháu K cho anh S nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh S, đối với cháu K đề nghị Tòa án tạm giao cháu cho chị thay anh S chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian

anh S ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi cháu K chị không đề nghị Tòa án giải quyết

* Cháu Nguyễn Thị Thanh H1 có văn bản trình bày hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố S tại Australia, cháu có nguyện vọng được ở cùng bố S. Cháu Nguyễn Thanh K có ý kiến trình bày cháu có nguyện vọng được ở cùng bố và cô L.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 106, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S. Xử:

Cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H1 và cháu Nguyễn Thanh K cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm giao cháu K cho chị Nguyễn Thị Tuyết L nuôi dưỡng trong thời gian anh S ở nước ngoài. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Thanh S đang sinh sống tại Australia có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, trách nhiệm nuôi con chung với chị Lê Thị H. Bị đơn chị Lê Thị H có hộ khẩu tại tỉnh Bắc Giang và hiện đang sinh sống tại Australia. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn và bị đơn được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định

tại khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh S, chị H, chị L, anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị H kết hôn với nhau ngày 31/3/2006 và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị H. Xem xét đơn khởi kiện của anh S, HĐXX thấy: anh S xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau. Chị H cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn, sống ly thân và không còn tình cảm. Cả anh S và chị H đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, xử cho anh S được ly hôn với chị H.

[4]. Về con chung: anh S và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 10/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 01/12/2012. Hiện nay cháu H1 đang sinh sống cùng anh S tại Australia, cháu K hiện đang sinh sống ở Việt Nam cùng cô ruột là chị Nguyễn Thị Tuyết L. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố.

Anh S và chị H đều thống nhất giao cả hai con chung cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của các cháu cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 106 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H1 và cháu K cho anh Nguyễn Thanh S nuôi dưỡng. Do hiện nay cháu K đang sinh sống với Việt Nam, anh S đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu K cho chị Nguyễn Thị Tuyết L chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh S ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 106, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 10/4/2007 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 01/12/2012 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi nhưng tạm giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Nguyễn Thanh S về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000110 ngày 11/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Nguyễn Văn D cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND phường Thọ Xương, TPBG;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương